

Yên Thọ, ngày 20 tháng 01 năm 2022

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục cuối học kỳ 1
Năm học 2021 – 2022

I. KẾT QUẢ XẾP LOẠI RÈN LUYỆN, HẠNH KIỂM:

Khối	Tổng số HS	Rèn luyện							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6A	32	16	50	16	50	0	0	0	0
6B	32	24	75	8	25	0	0	0	0
6C	38	36	94,74	2	5,26	0	0	0	0
6D	32	31	96,88	1	3,13	0	0	0	0
Tổng	134	107	79,9	27	20,2	0	0	0	0

Khối	Tổng số HS	Hạnh Kiểm											
		Tốt		Khá		TB		Yếu		TB trở lên		Chưa đánh giá	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khối 7	116	91	78,5	22	19	3	2,59	0	0	116	100	0	0
7A	38	30	78,95	6	15,79	2	5,26	0	0	38	100	0	0
7B	39	34	87,18	5	12,82	0	0	0	0	39	100	0	0
7C	39	27	69,23	11	28,21	1	2,56	0	0	39	100	0	0
Khối 8	116	91	78,5	25	21,6	0	0	0	0	116	100	0	0
8A	40	34	85	6	15	0	0	0	0	40	100	0	0
8B	38	26	68,42	12	31,58	0	0	0	0	38	100	0	0
8C	38	31	81,58	7	18,42	0	0	0	0	38	100	0	0
Khối 9	133	117	88	16	12	0	0	0	0	133	100	0	0
9A	45	38	84,44	7	15,56	0	0	0	0	45	100	0	0
9B	44	39	88,64	5	11,36	0	0	0	0	44	100	0	0
9C	44	40	90,91	4	9,09	0	0	0	0	44	100	0	0
Tổng	365	299	81,9	63	17,3	3	0,82	0	0	365	100	0	0

II. KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC TẬP, HỌC LỰC:

Khối	Tổng số HS	Học tập							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6A	32	2	6,25	14	43,75	15	46,88	1	3,13
6B	32	1	3,13	23	71,88	8	25	0	0
6C	38	19	50	16	42,11	3	7,89	0	0
6D	32	2	6,25	16	50	14	43,75	0	0
Tổng	134	24	17,9	69	51,5	40	29,9	1	0,75

Khối	Tổng số HS	Học Lực													
		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên		Chưa đánh giá	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khối 7	116	26	22,4	57	49,1	31	26,7	2	1,72	0	0	114	98,3	0	0
7A	38	7	18,42	15	39,47	16	42,11	0	0	0	0	38	100	0	0
7B	39	13	33,33	19	48,72	6	15,38	1	2,56	0	0	38	97,44	0	0
7C	39	6	15,38	23	58,97	9	23,08	1	2,56	0	0	38	97,44	0	0
Khối 8	116	29	25	60	51,7	25	21,6	2	1,72	0	0	114	98,3	0	0
8A	40	14	35	19	47,5	6	15	1	2,5	0	0	39	97,5	0	0
8B	38	7	18,42	24	63,16	7	18,42	0	0	0	0	38	100	0	0
8C	38	8	21,05	17	44,74	12	31,58	1	2,63	0	0	37	97,37	0	0
Khối 9	133	25	18,8	67	50,4	41	30,8	0	0	0	0	133	100	0	0
9A	45	7	15,56	26	57,78	12	26,67	0	0	0	0	45	100	0	0
9B	44	3	6,82	25	56,82	16	36,36	0	0	0	0	44	100	0	0
9C	44	15	34,09	16	36,36	13	29,55	0	0	0	0	44	100	0	0
Tổng	365	80	21,9	184	50,4	97	26,6	4	1,1	0	0	361	98,9	0	0

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thúy Liễu